TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **175**/2023/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Bến Tre, ngày 21 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Điều 211, 213, 361, 396, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 54, 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015.

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 240/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023 về việc: "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: - Chị ***Lâm Thị Hồng H***, sinh năm: 1990

Nơi cư trú: khu phố D, phường P, thành phố BT, tỉnh BT

- Anh ***Bùi Trung Tín***, sinh năm: 1988

Nơi cư trú: khu phố C, phường D, thành phố BT, tỉnh BT

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về hôn nhân: Chị Lâm Thị Hồng H và Anh Bùi Trung T đăng ký kết hôn vào năm 2010, tại Ủy ban nhân dân phường D thành phố BT. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn xảy ra cách nay khoảng 06 năm nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay nhận thấy không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Tín và chị Huế yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: có 02 cháu là Bùi Quốc H1, sinh ngày 13/4/2011 và Bùi Gia B, sinh ngày 04/5/2014. Anh T và chị H thỏa thuận chị H tiếp tục nuôi hai con chung, anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 6.000.000 đồng cho đến khi hai con trưởng thành. Hai con cũng có nguyện vọng được sống với mẹ.

.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: anh T và chị H khai không có nên không xem xét.

[4] Lệ phí Tòa án: Anh T và chị H chịu theo quy định tại Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xét thấy: Các thỏa thuận trên của anh T và chị H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên ghi nhận. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị ***Lâm Thị Hồng H*** và anh ***Bùi Trung T***

- Về con chung: có 02 cháu là Bùi Quốc H1, sinh ngày 13/4/2011 và Bùi Gia B, sinh ngày 04/5/2014.

Chị H được tiếp tục nuôi hai con chung, anh Tín cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 6.000.000 đồng cho đến khi hai con trưởng thành.

Không ai được ngăn cản quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp đưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: cả hai đều khai không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: cả hai đều khai không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Lệ phí giải quyết Việc dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), anh T và chị H phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002952 ngày 24/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Anh chị đã nộp đủ lệ phí. Anh T phải chịu án phí cấp dưỡng là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- UBND phường D, thành phố BT, tỉnh BT.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Duy Phong